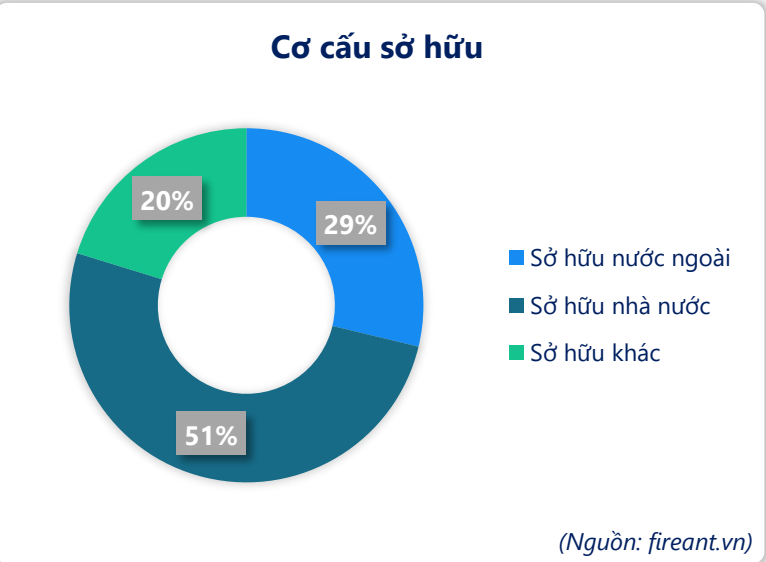
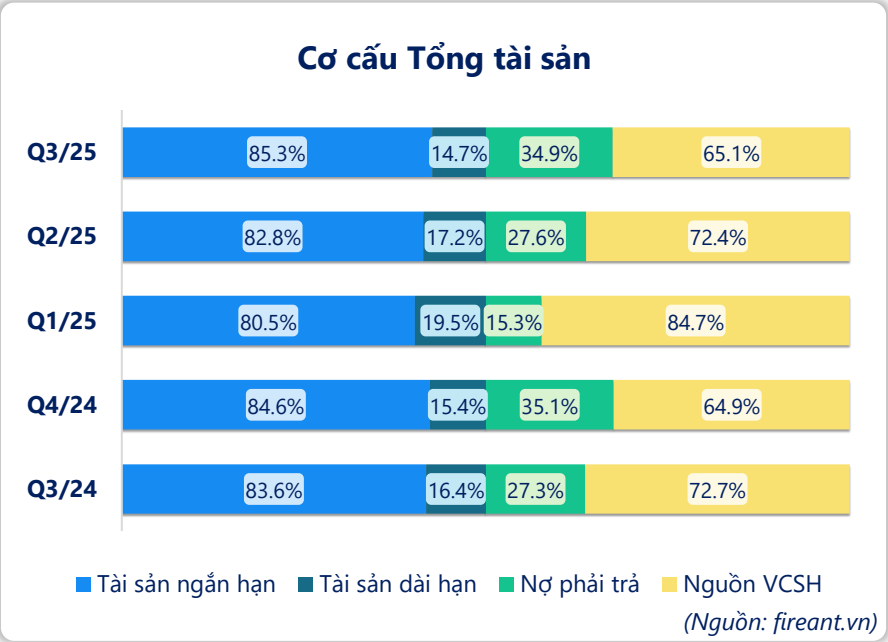
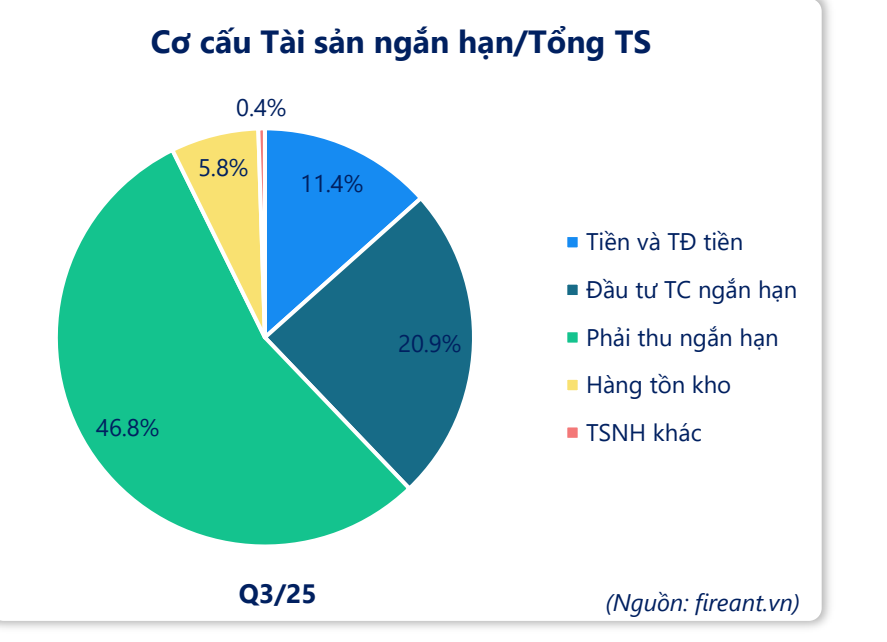
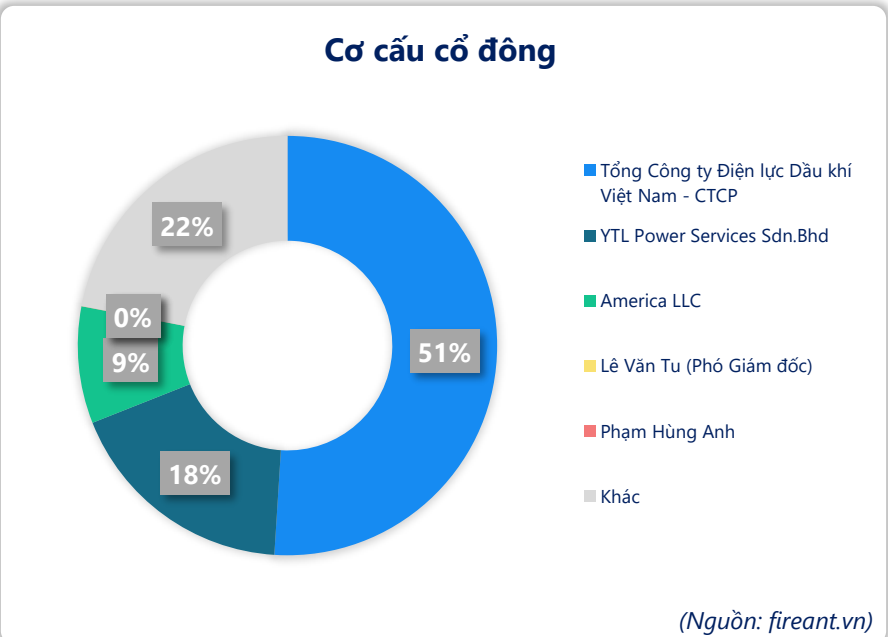
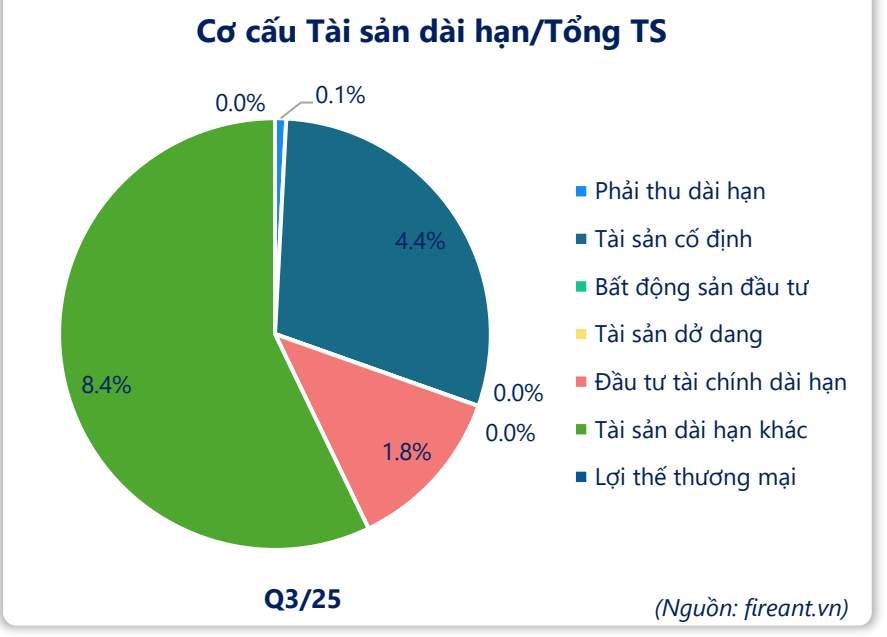
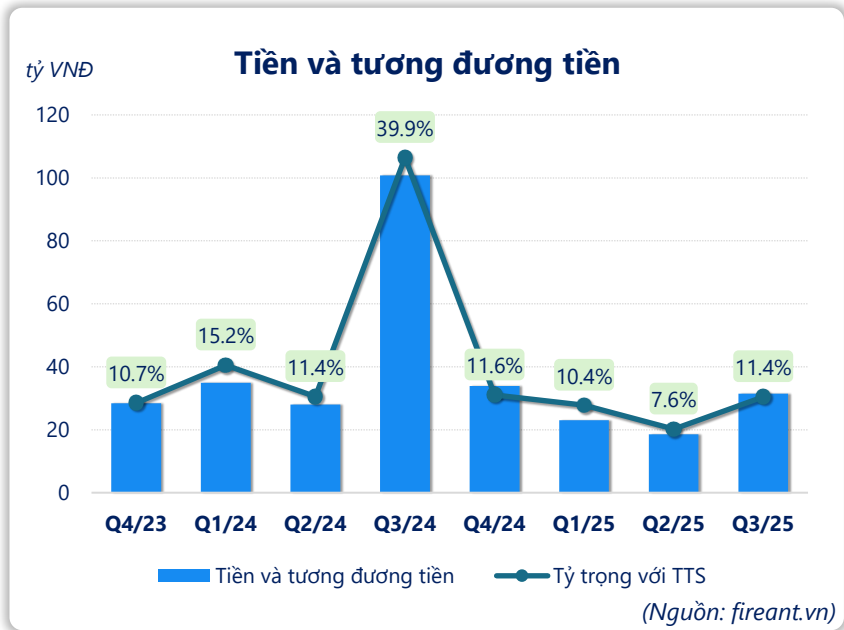
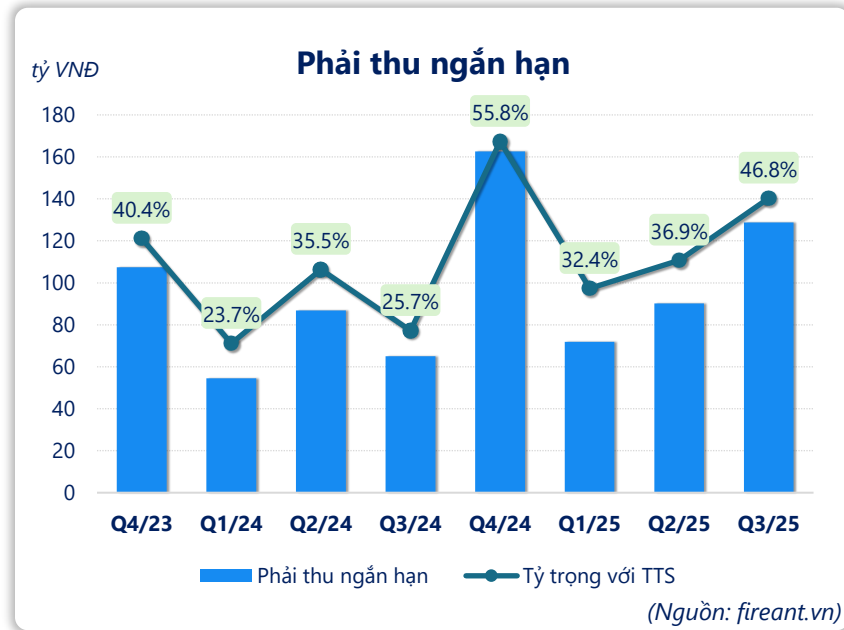
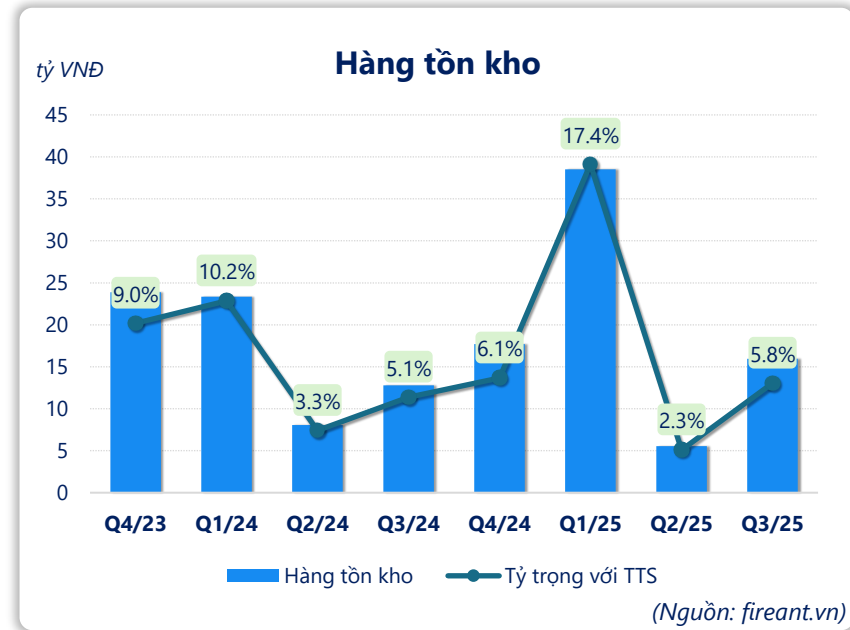
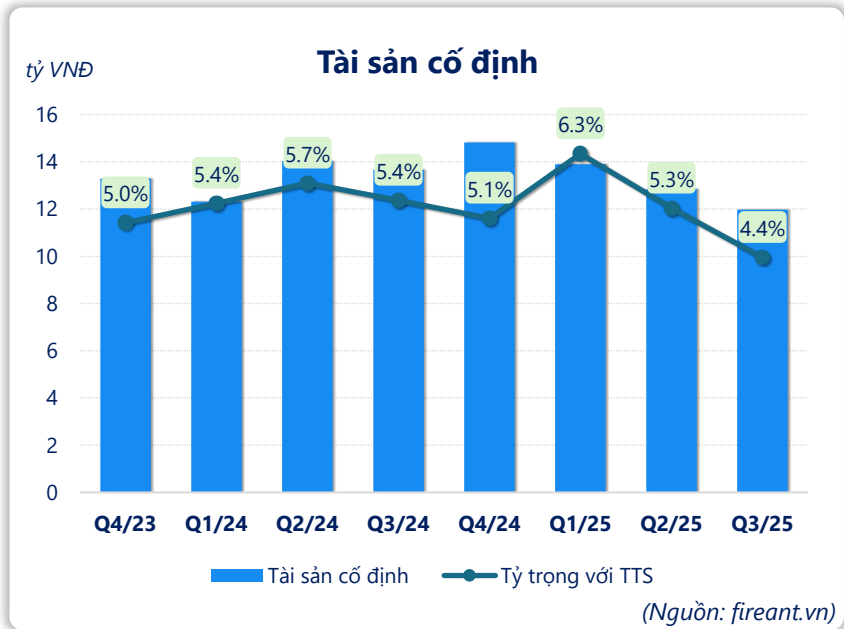
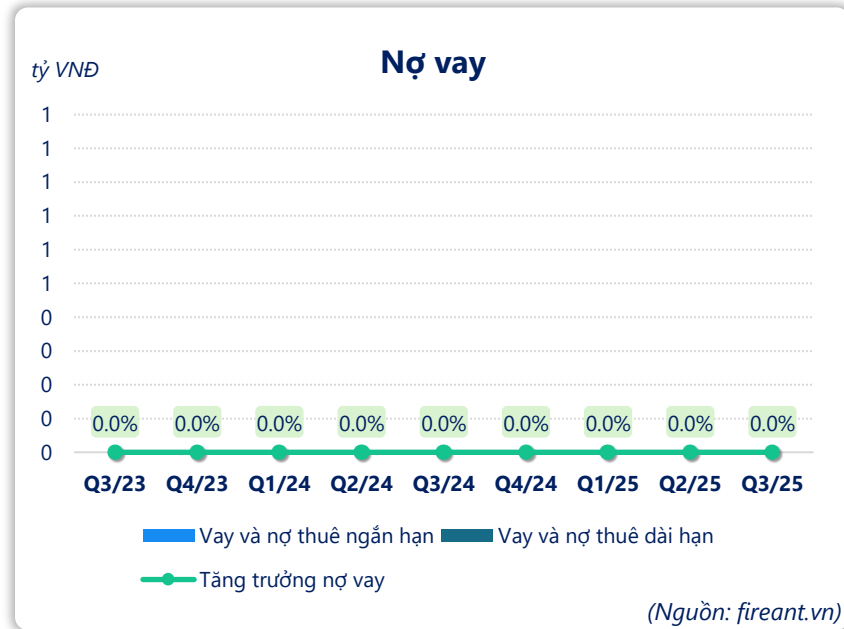
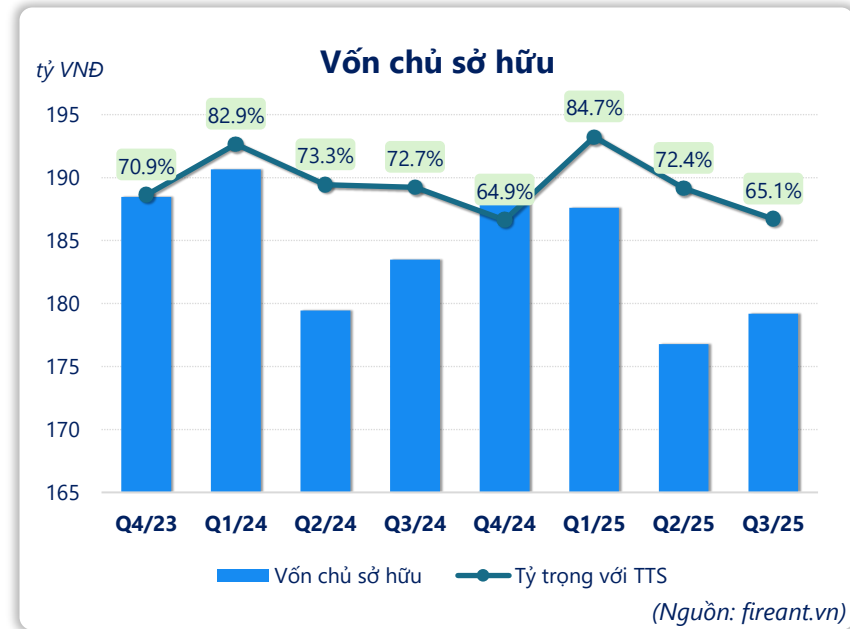
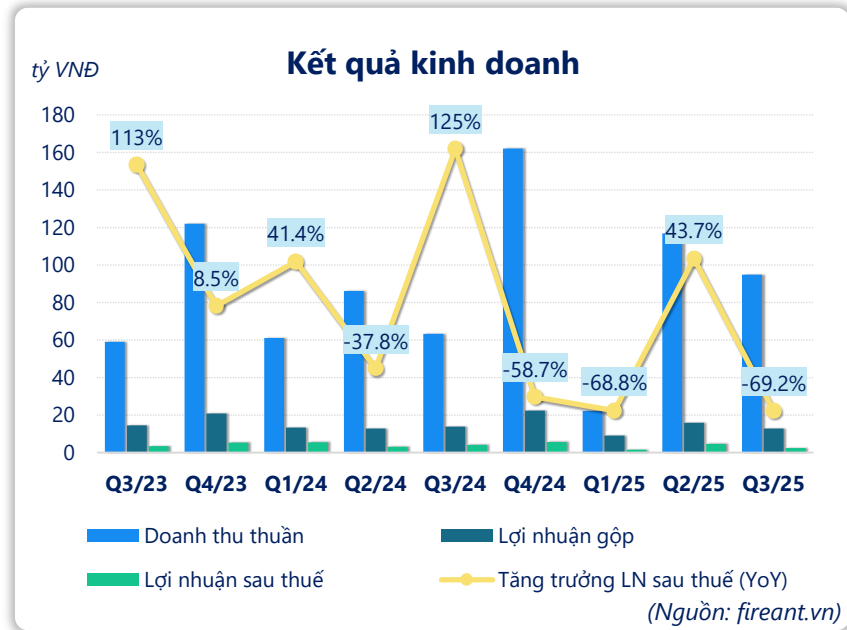
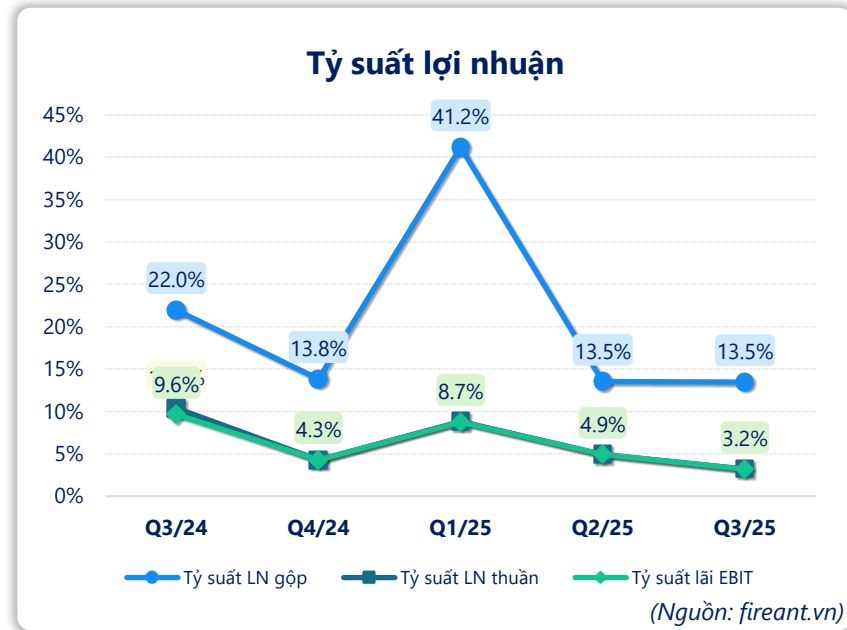
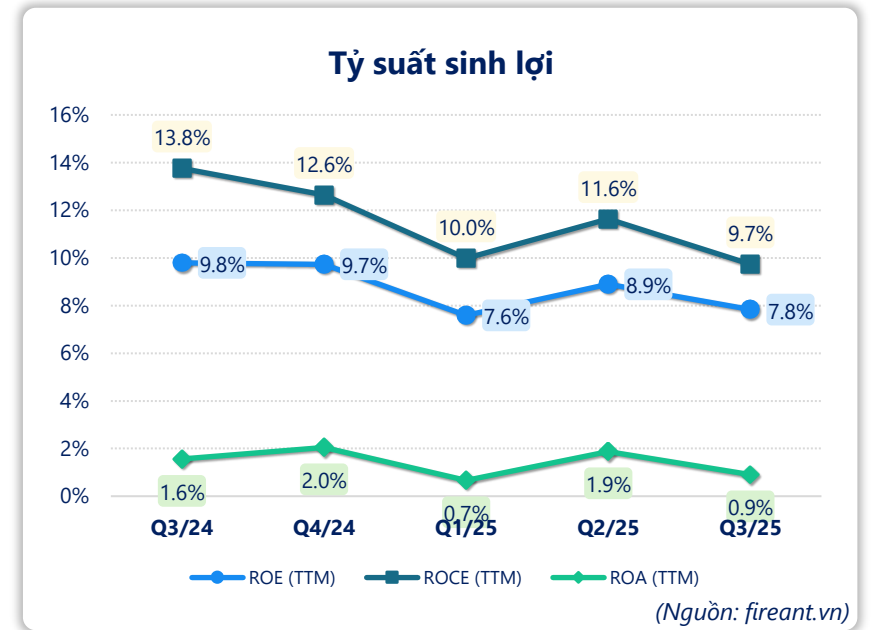
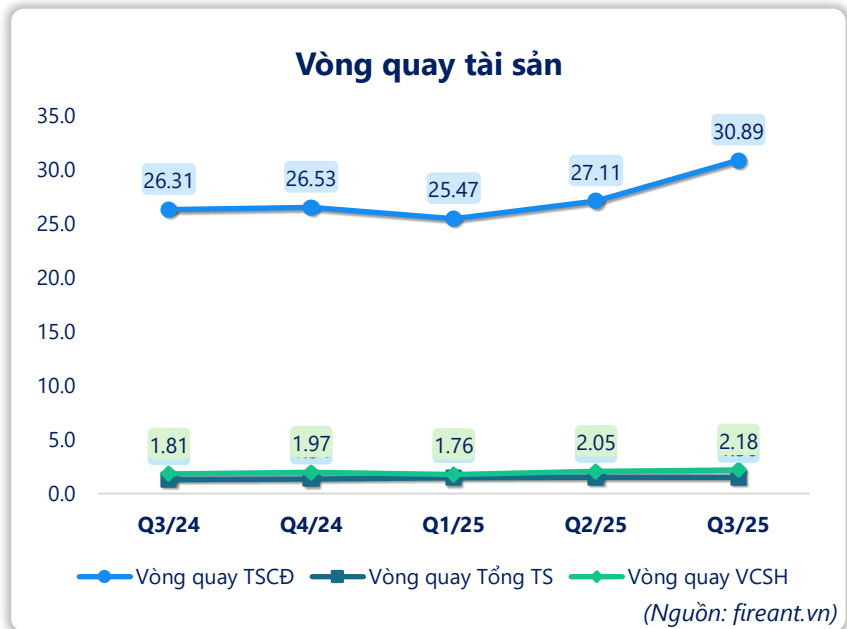
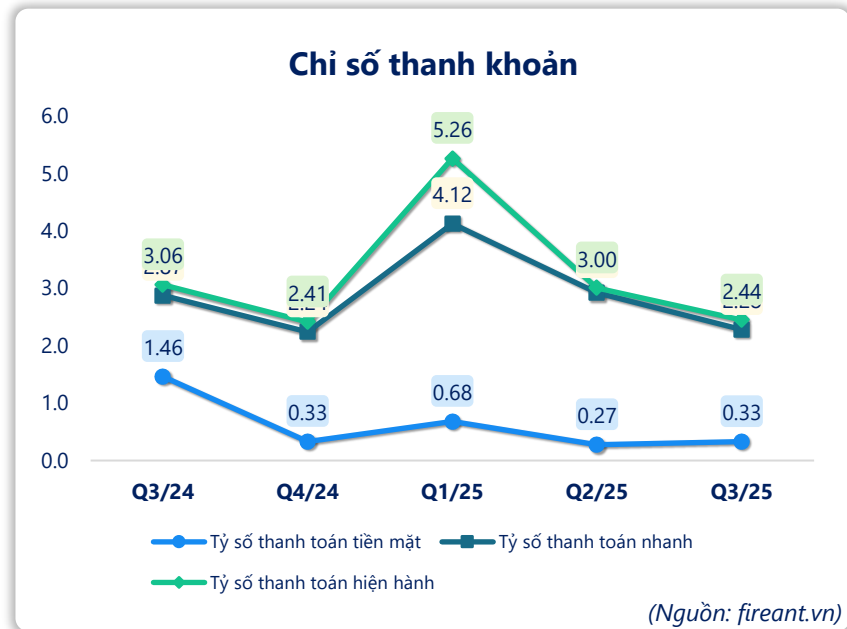
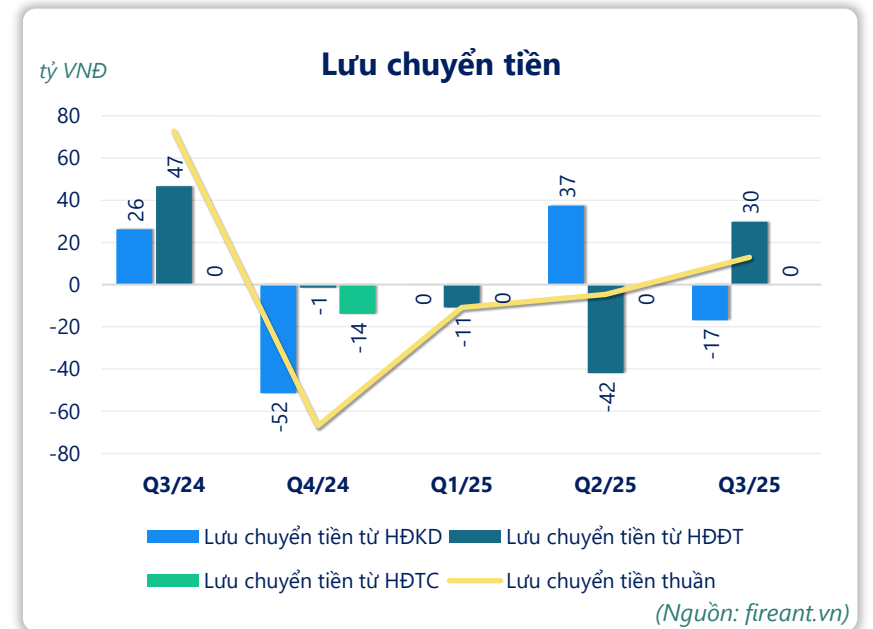


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,432
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,420
SL cổ phiếu LH		15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,670
% sở hữu nước ngoài		28.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		174
P/E		12.3
EPS		947

	YTD	1T	3T	6T
PPS	12.2%	13.3%	9.3%	11.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	275	292	-5.8%
Tài sản ngắn hạn	235	247	-5.1%
Tiền và tương đương tiền	31.5	33.9	-7.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.4	32.5	76.4%
Phải thu ngắn hạn	129	163	-20.8%
Hàng tồn kho	15.9	18.2	-12.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.19	0.02	4975%
Tài sản dài hạn	40.5	44.8	-9.5%
Phải thu dài hạn	0.34	0.04	792%
Tài sản cố định	12.0	14.8	-19.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	5.04	5.04	0.0%
Tài sản dài hạn khác	23.1	24.9	-7.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	96.0	103	-6.4%
Nợ ngắn hạn	96.0	103	-6.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	22.5	45.9	-51.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	179	189	-5.4%
Vốn chủ sở hữu	179	189	-5.4%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	63.3	162	22.2	117	94.8
Giá vốn hàng bán	49.4	140	13.0	101	82.1
Lợi nhuận gộp	13.9	22.4	9.13	15.8	12.8
Doanh thu HĐTC	0.65	1.62	0.30	0.86	0.32
Chi phí TC	0.03	0.08	0	0	0
Chi phí lãi vay	0.03	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.94	17.0	7.47	10.9	10.1
LN thuần từ HĐKD	6.57	6.96	1.95	5.75	3.04
Lợi nhuận khác	-0.51	-0.02	-0.01	-0.01	-0.02
LN trước thuế	6.06	6.95	1.94	5.74	3.03
Lợi nhuận sau thuế	4.04	5.70	1.50	4.59	2.40
LNST của CĐ cty mẹ	4.04	5.70	1.50	4.59	2.40

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.1	-51.5	-0.03	37.3	-16.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	46.6	-1.44	-10.8	-41.9	29.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-13.9	-0.01	-0.01	0
Tiền đầu kỳ	28.0	101	33.9	23.1	18.5
Lưu chuyển tiền thuần	72.8	-66.9	-10.8	-4.57	13.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	101	33.9	23.1	18.5	31.5

(Nguồn: fireant.vn)